Ký bởi Vũ Thị Thu Cúc
Văn phòng Ủy ban Nhân dân, Tỉnh Hưng Yên
Giờ ký: 2018.09.24 09:10:21 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc
Số: 2366 /QĐ-UBND	*Hưng Yên, ngày 20 tháng 9 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành mã định danh của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BTTTT ngày 01/4/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc mã định danh và định dạng dữ liệu gói tin phục vụ kết nối các hệ thống quản lý văn bản và điều hành (QCVN 102:2016/BTTTT);

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 597/TTr-STTTT ngày 12/9/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này mã định danh của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Hưng Yên theo QCVN 102:2016/BTTTT như sau:

1. Mã định danh của đơn vị cấp 1:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên: 000.00.00.H31;
- Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên: 000.00.00.K31.

2. Mã định danh của các đơn vị cấp 2: Gồm các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố; đơn vị thuộc UBND tỉnh *(Chi tiết tại Phụ lục I)*.

3. Mã định danh của các đơn vị cấp 3:

- Các đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành tỉnh *(Chi tiết tại Phụ lục II);*
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc UBND các huyện, thành phố *(Chi tiết tại III)*.

Điều 2. Mã định danh theo Điều 1 Quyết định này dùng để xác định, phân biệt các cơ quan, đơn vị tham gia trao đổi văn bản điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành; phục vụ kết nối các hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

Điều 3. Trong trường hợp thành lập mới, chia tách, sáp nhập hoặc giải thể các cơ quan, đơn vị, Sở Nội vụ có trách nhiệm thông báo về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, đề xuất UBND tỉnh xem xét cấp mã định danh theo quy định. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm đề xuất, tham mưu

UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung mã định danh cho phù hợp với tình hình thực tế và quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh,
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lưu VT, KGVX[Ph].

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Phóng

PHỤ LỤC I
DANH SÁCH MÃ ĐỊNH DANH CỦA CÁC ĐƠN VỊ THUỘC, TRỰC THUỘC HĐND, UBND TỈNH HƯNG YÊN
(Kèm theo Quyết định số 2366/QĐ-UBND ngày 20/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

TT	Tên đơn vị	Mã định danh
I	**Cơ quan thuộc HĐND tỉnh**	
1	Văn phòng HĐND tỉnh	000.00.01.K31
II	**Các sở, ban, ngành tỉnh**	
1	Văn phòng UBND tỉnh	000.00.02.H31
2	Sở Tài chính	000.00.03.H31
3	Sở Kế hoạch và Đầu tư	000.00.04.H31
4	Sở Nội vụ	000.00.05.H31
5	Sở Thông tin và Truyền thông	000.00.06.H31
6	Sở Khoa học và Công nghệ	000.00.07.H31
7	Sở Giao thông vận tải	000.00.08.H31
8	Sở Xây dựng	000.00.09.H31
9	Sở Y tế	000.00.10.H31
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	000.00.11.H31
11	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	000.00.12.H31
12	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	000.00.13.H31
13	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	000.00.14.H31
14	Sở Tài nguyên và Môi trường	000.00.15.H31
15	Sở Công Thương	000.00.16.H31
16	Sở Tư pháp	000.00.17.H31
17	Thanh tra tỉnh	000.00.18.H31
18	Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh	000.00.19.H31
19	Ban quản lý Khu đại học Phố Hiến	000.00.20.H31
III	**Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh**	
1	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	000.00.21.H31
2	Quỹ phát triển đất tỉnh Hưng Yên	000.00.22.H31
3	Trường Cao đẳng Y tế Hưng Yên	000.00.23.H31
4	Trường Cao đẳng nghề Kinh tế - Kỹ thuật Tô hiệu	000.00.24.H31

TT	Tên đơn vị	Mã định danh
IV	**UBND các huyện, thành phố**	
1	UBND thành phố Hưng Yên	000.00.40.H31
2	UBND huyện Ân Thi	000.00.41.H31
3	UBND huyện Kim Động	000.00.42.H31
4	UBND huyện Khoái Châu	000.00.43.H31
5	UBND huyện Tiên Lữ	000.00.44.H31
6	UBND huyện Phù Cừ	000.00.45.H31
7	UBND huyện Yên Mỹ	000.00.46.H31
8	UBND huyện Mỹ Hào	000.00.47.H31
9	UBND huyện Văn Lâm	000.00.48.H31
10	UBND huyện Văn Giang	000.00.49.H31
	- Các mã từ 000.00.25.H31 đến 000.00.39.H31 để dự phòng; - Các mã từ 000.00.50.H31 đến 000.00.99.H31 để dự phòng.	

PHỤ LỤC II
DANH SÁCH MÃ ĐỊNH DANH CỦA CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC CÁC SỞ, BAN, NGÀNH TỈNH
(Kèm theo Quyết định số 2366/QĐ-UBND ngày 20/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

TT	Tên đơn vị	Mã định danh
I	**Văn phòng UBND tỉnh**	
1	Trung tâm Tin học - Công báo	000.01.02.H31
2	Trung tâm Hội nghị tỉnh	000.02.02.H31
II	**Sở Giáo dục và Đào tạo**	
1	Trường THPT Ân Thi	000.20.11.H31
2	Trường THPT Chuyên Hưng Yên	000.21.11.H31
3	Trường TH, THCS, THPT Đoàn Thị Điểm Greenfield	000.22.11.H31
4	Trường THPT Dương Quảng Hàm	000.23.11.H31
5	Trường THPT Đức Hợp	000.24.11.H31
6	Trường THPT Kim Động	000.25.11.H31
7	Trường THPT Khoái Châu	000.26.11.H31
8	Trường THPT Lê Quý Đôn	000.27.11.H31
9	Trường THPT Lương Tài	000.28.11.H31
10	Trường THPT Minh Châu	000.29.11.H31
11	Trường THPT Mỹ Hào	000.30.11.H31
12	Trường THPT Nam Khoái Châu	000.31.11.H31
13	Trường THPT Nam Phù Cừ	000.32.11.H31
14	Trường THPT Nguyễn Công Hoan	000.33.11.H31
15	Trường THPT Nguyễn Trung Ngạn	000.34.11.H31
16	Trường THPT Nghĩa Dân	000.35.11.H31
17	Trường THPT Ngô Quyền	000.36.11.H31
18	Trường THPT Nguyễn Du	000.37.11.H31
19	Trường THPT Nguyễn Siêu	000.38.11.H31
20	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật	000.39.11.H31
21	Trường THPT Nguyễn Trãi	000.40.11.H31
22	Trường THPT Phạm Ngũ Lão	000.41.11.H31
23	Trường THPT Phù Cừ	000.42.11.H31
24	Trường THPT Phùng Hưng	000.43.11.H31

TT	Tên đơn vị	Mã định danh
25	Trường THPT Quang Trung	000.44.11.H31
26	Trường THPT Tiên Lữ	000.45.11.H31
27	Trường THPT Tô Hiệu	000.46.11.H31
28	Trường THPT Trần Quang Khải	000.47.11.H31
29	Trường THPT Triệu Quang Phục	000.48.11.H31
30	Trường THPT Trần Hưng Đạo	000.49.11.H31
31	Trường THPT Trưng Vương	000.50.11.H31
32	Trường THPT Văn Lâm	000.51.11.H31
33	Trường THPT Văn Giang	000.52.11.H31
34	Trường THPT Yên Mỹ	000.53.11.H31
35	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	000.54.11.H31
36	Trường THPT Hồng Bàng	000.55.11.H31
37	Trường TH, THCS, THPT Hồng Đức	000.56.11.H31
38	Trường THPT Hùng Vương	000.57.11.H31
39	Trường THPT Hưng Yên	000.58.11.H31
40	Trường TH,THCS,THPT Edison	000.59.11.H31
41	Trung tâm Giáo dục thường xuyên Phố Nối	000.60.11.H31
42	Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh	000.61.11.H31
43	Trường Cao đẳng Sư phạm Hưng Yên	000.62.11.H31
III	**Sở Thông tin và Truyền thông**	
1	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông	000.01.06.H31
IV	**Sở Kế hoạch Đầu tư**	
1	Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp	000.01.04.H31
V	**Sở Nội vụ**	
1	Ban Thi đua - Khen thưởng	000.01.05.H31
2	Ban Tôn giáo	000.02.05.H31
3	Chi cục Văn thư lưu trữ	000.03.05.H31
VI	**Sở Y tế**	
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	000.01.10.H31
2	Bệnh viện Đa khoa Phố Nối	000.02.10.H31
3	Bệnh viện Y dược học cổ truyền	000.03.10.H31
4	Bệnh viện Tâm thần kinh	000.04.10.H31

TT	Tên đơn vị	Mã định danh
5	Bệnh viện Phổi	000.05.10.H31
6	Bệnh viện Mắt	000.06.10.H31
7	Bệnh viện Sản - Nhi	000.07.10.H31
8	Trung tâm Y tế dự phòng	000.08.10.H31
9	Trung tâm Giám định Y khoa	000.09.10.H31
10	Bệnh viện Bệnh nhiệt đới	000.10.10.H31
11	Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản	000.11.10.H31
12	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm	000.12.10.H31
13	Trung tâm Truyền thông giáo dục sức khỏe	000.13.10.H31
14	Trung tâm Pháp y tỉnh	000.14.10.H31
15	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	000.15.10.H31
16	Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	000.16.10.H31
17	Trung tâm Y tế thành phố Hưng Yên	000.17.10.H31
18	Trung tâm Y tế huyện Tiên Lữ	000.18.10.H31
19	Trung tâm Y tế huyện Phù Cừ	000.19.10.H31
20	Trung tâm Y tế huyện Kim Động	000.20.10.H31
21	Trung tâm Y tế huyện Ân Thi	000.21.10.H31
22	Trung tâm Y tế huyện Khoái Châu	000.22.10.H31
23	Trung tâm Y tế huyện Yên Mỹ	000.23.10.H31
24	Trung tâm Y tế huyện Mỹ Hào	000.24.10.H31
25	Trung tâm Y tế huyện Văn Lâm	000.25.10.H31
26	Trung tâm Y tế huyện Văn Giang	000.26.10.H31
VII	**Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**	
1	Bảo tàng tỉnh	000.01.12.H31
2	Ban quản lý di tích	000.02.12.H31
3	Trung tâm Văn hóa tỉnh	000.03.12.H31
4	Trung tâm Phát hành phim và chiếu bóng tỉnh	000.04.12.H31
5	Nhà hát chèo tỉnh	000.05.12.H31
6	Trường Trung cấp Văn hóa, Nghệ thuật và Du lịch tỉnh	000.06.12.H31
7	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao tỉnh	000.07.12.H31
8	Trung tâm Thông tin và Xúc tiến du lịch tỉnh	000.08.12.H31
9	Thư viện tỉnh	000.09.12.H31

TT	Tên đơn vị	Mã định danh
VIII	**Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**	
1	Trung tâm Bảo trợ xã hội và công tác xã hội	000.01.13.H31
2	Trung tâm Điều dưỡng chăm sóc người có công	000.02.13.H31
3	Trung tâm Điều dưỡng tâm thần kinh tỉnh	000.03.13.H31
4	Trường phục hồi chức năng và dạy nghề cho người khuyết tật Khoái Châu	000.04.13.H31
5	Trường phục hồi chức năng và dạy nghề cho người khuyết tật Tiên Lữ	000.05.13.H31
6	Trung tâm Dịch vụ việc làm	000.06.13.H31
7	Cơ sở Điều trị nghiện ma túy	000.07.13.H31
8	Chi cục Phòng chống tệ nạn xã hội	000.08.13.H31
IX	**Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**	
1	Chi cục Thú y	000.01.14.H31
2	Chi cục Bảo vệ thực vật	000.02.14.H31
3	Chi cục Phát triển nông thôn	000.03.14.H31
4	Chi cục Quản lý đê điều và Phòng chống lụt bão Hưng Yên	000.04.14.H31
5	Chi cục Thủy lợi	000.05.14.H31
6	Chi cục Kiểm lâm	000.06.14.H31
7	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	000.07.14.H31
8	Chi cục Thủy sản	000.08.14.H31
9	Văn phòng Điều phối chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên	000.09.14.H31
10	Trung tâm Khuyến nông tỉnh	000.10.14.H31
11	Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn	000.11.14.H31
12	Trung tâm Tư vấn thiết kế kỹ thuật đê điều, thủy lợi	000.12.14.H31
13	Trung tâm Giống nông nghiệp tỉnh	000.13.14.H31
14	Ban quản lý Dự án nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh	000.14.14.H31
X	**Sở Tài nguyên và Môi trường**	
1	Chi cục Bảo vệ môi trường	000.01.15.H31
2	Chi cục Quản lý đất đai	000.02.15.H31
3	Văn phòng Đăng ký đất đai	000.03.15.H31
4	Quỹ Bảo vệ môi trường	000.04.15.H31
5	Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và môi trường	000.05.15.H31

TT	Tên đơn vị	Mã định danh
6	Trung tâm phát triển quỹ đất	000.06.15.H31
7	Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và môi trường	000.07.15.H31
8	Trung tâm quan trắc Tài nguyên và môi trường	000.08.15.H31
XI	**Sở Công Thương**	
1	Chi cục Quản lý thị trường	000.01.16.H31
2	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh	000.02.16.H31
XII	**Sở Tư pháp**	
1	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước	000.01.17.H31
2	Phòng Công chứng số 1	000.02.17.H31
3	Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản	000.03.17.H31
XIII	**Sở Khoa học và Công nghệ**	
1	Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng	000.01.07.H31
2	Trung tâm Thông tin và Thống kê khoa học và công nghệ	000.02.07.H31
3	Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ	000.03.07.H31
XIV	**Sở Giao thông vận tải**	
1	Ban An toàn giao thông tỉnh	000.01.08.H31
2	Thanh tra Sở	000.02.08.H31
3	Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh	000.03.08.H31
4	Ban quản lý bến xe bến thủy	000.04.08.H31
5	Trường Trung cấp nghề Giao thông vận tải Hưng Yên	000.05.08.H31
6	Trung tâm Tư vấn Giao thông vận tải	000.06.08.H31
7	Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới	000.07.08.H31
8	Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng giao thông	000.08.08.H31
9	Ban Quản lý dự án đường bộ nối đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với đường cao tốc Cầu Giẽ Ninh Bình.	000.09.08.H31
XV	**Sở Xây dựng**	
1	Trung tâm Quy hoạch xây dựng	000.01.09.H31
2	Ban quản lý nhà ở sinh viên cụm trường khu vực thành phố Hưng Yên	000.02.09.H31
3	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp	000.03.09.H31
XVI	**Ban quản lý Khu đại học Phố Hiến**	
1	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu đại học Phố Hiến	000.01.20.H31

PHỤ LỤC III
DANH SÁCH MÃ ĐỊNH DANH CỦA CÁC ĐƠN VỊ THUỘC, TRỰC THUỘC UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ
(Kèm theo Quyết định số 2366/QĐ-UBND ngày 20/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
I	**UBND huyện Tiên Lữ**	
1	UBND TT Vương	000.01.44.H31
2	UBND xã An Viên	000.02.44.H31
3	UBND xã Cương Chính	000.03.44.H31
4	UBND xã Dị chế	000.04.44.H31
5	UBND xã Đức Thắng	000.05.44.H31
6	UBND xã Hải Triều	000.06.44.H31
7	UBND xã Hưng Đạo	000.07.44.H31
8	UBND xã Lệ Xá	000.08.44.H31
9	UBND xã Minh Phượng	000.09.44.H31
10	UBND xã Ngô Quyền	000.10.44.H31
11	UBND xã Nhật Tân	000.11.44.H31
12	UBND xã Thiện Phiến	000.12.44.H31
13	UBND xã Thủ Sỹ	000.13.44.H31
14	UBND xã Thụy Lôi	000.14.44.H31
15	UBND xã Trung Dũng	000.15.44.H31
16	Phòng Văn hóa và Thông tin	000.30.44.H31
17	Đài Truyền thanh huyện	000.31.44.H31
18	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	000.32.44.H31
19	Phòng Giáo dục và Đào tạo	000.33.44.H31
20	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	000.34.44.H31
21	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	000.35.44.H31
22	Phòng Tài chính - Kế hoạch	000.36.44.H31
23	Phòng Tư pháp	000.37.44.H31
24	Phòng Y tế	000.38.44.H31
25	Phòng Tài nguyên Môi trường	000.39.44.H31
26	Thanh tra huyện	000.40.44.H31
27	Phòng Nội vụ	000.41.44.H31

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
28	Văn phòng HĐND và UBND huyện	000.42.44.H31
29	Trung tâm Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên huyện Tiên Lữ	000.43.44.H31
30	Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Du lịch huyện Tiên Lữ	000.44.44.H31
- Các mã từ 000.16.44.H31 đến 000.29.44.H31 để dự phòng; - Các mã từ 000.45.44.H31 đến 000.99.44.H31 để dự phòng.		
II	**UBND huyện Văn Lâm**	
1	UBND thị trấn Như Quỳnh	000.01.48.H31
2	UBND xã Chỉ Đạo	000.02.48.H31
3	UBND xã Đại Đồng	000.03.48.H31
4	UBND xã Đình Dù	000.04.48.H31
5	UBND xã Lạc Đạo	000.05.48.H31
6	UBND xã Lạc Hồng	000.06.48.H31
7	UBND xã Lương Tài	000.07.48.H31
8	UBND xã Minh Hải	000.08.48.H31
9	UBND xã Tân Quang	000.09.48.H31
10	UBND xã Trưng Trắc	000.10.48.H31
11	UBND xã Việt Hưng	000.11.48.H31
12	Phòng Văn hóa thông tin	000.30.48.H31
13	Đài Truyền thanh huyện	000.31.48.H31
14	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	000.32.48.H31
15	Phòng Giáo dục và Đào tạo	000.33.48.H31
16	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	000.34.48.H31
17	Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội	000.35.48.H31
18	Phòng Tài chính - Kế hoạch	000.36.48.H31
19	Phòng Tư pháp	000.37.48.H31
20	Phòng Y tế	000.38.48.H31
21	Phòng Tài nguyên Môi trường	000.39.48.H31
22	Thanh tra huyện	000.40.48.H31
23	Phòng Nội vụ	000.41.48.H31
24	Văn phòng HĐND và UBND huyện	000.42.48.H31
25	Trung tâm Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên huyện Văn Lâm	000.43.48.H31

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
26	Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Du lịch huyện Văn Lâm	000.44.48.H31
- Các mã từ 000.12.48.H31 đến 000.29.48.H31 để dự phòng - Các mã từ 000.45.48.H31 đến 000.99.48.H31 để dự phòng		
III	**UBND huyện Ân Thi**	
1	UBND thị trấn Ân Thi	000.01.41.H31
2	UBND xã Bắc Sơn	000.02.41.H31
3	UBND xã Bãi Sậy	000.03.41.H31
4	UBND xã Cẩm Ninh	000.04.41.H31
5	UBND xã Đa Lộc	000.05.41.H31
6	UBND xã Đặng Lễ	000.06.41.H31
7	UBND xã Đào Dương	000.07.41.H31
8	UBND xã Hạ Lễ	000.08.41.H31
9	UBND xã Hồ Tùng Mậu	000.09.41.H31
10	UBND xã Hoàng Hoa Thám	000.10.41.H31
11	UBND xã Hồng Quang	000.11.41.H31
12	UBND xã Hồng Vân	000.12.41.H31
13	UBND xã Nguyễn Trãi	000.13.41.H31
14	UBND xã Phù Ủng	000.14.41.H31
15	UBND xã Quảng Lãng	000.15.41.H31
16	UBND xã Quang Vinh	000.16.41.H31
17	UBND xã Tân Phúc	000.17.41.H31
18	UBND xã Tiền Phong	000.18.41.H31
19	UBND xã Vân Du	000.19.41.H31
20	UBND xã Văn Nhuế	000.20.41.H31
21	UBND xã Xuân Trúc	000.21.41.H31
22	Phòng Văn hóa và Thông tin	000.30.41.H31
23	Đài truyền thanh huyện	000.31.41.H31
24	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	000.32.41.H31
25	Phòng Giáo dục và Đào tạo	000.33.41.H31
26	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	000.34.41.H31
27	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	000.35.41.H31
28	Phòng Tài chính - Kế hoạch	000.36.41.H31

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
29	Phòng Tư pháp	000.37.41.H31
30	Phòng Y tế	000.38.41.H31
31	Phòng Tài nguyên Môi trường	000.39.41.H31
32	Thanh tra huyện	000.40.41.H31
33	Phòng Nội vụ	000.41.41.H31
34	Văn phòng HĐND và UBND huyện	000.42.41.H31
35	Trung tâm Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên huyện Ân Thi	000.43.41.H31
36	Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Du lịch huyện Ân Thi	000.44.41.H31
	- Các mã từ 000.22.41.H31 đến 000.29.41.H31 để dự phòng - Các mã từ 000.45.41.H31 đến 000.99.41.H31 để dự phòng	
IV	**UBND huyện Khoái Châu**	
1	UBND thị trấn Khoái Châu	000.01.43.H31
2	UBND xã An Vĩ	000.02.43.H31
3	UBND xã Bình Kiều	000.03.43.H31
4	UBND xã Bình Minh	000.04.43.H31
5	UBND xã Chí Tân	000.05.43.H31
6	UBND xã Dạ Trạch	000.06.43.H31
7	UBND xã Đại Hưng	000.07.43.H31
8	UBND xã Đại Tập	000.08.43.H31
9	UBND xã Dân Tiến	000.09.43.H31
10	UBND xã Đông Kết	000.10.43.H31
11	UBND xã Đông Ninh	000.11.43.H31
12	UBND xã Đông Tảo	000.12.43.H31
13	UBND xã Đồng Tiến	000.13.43.H31
14	UBND xã Hàm Tử	000.14.43.H31
15	UBND xã Hồng Tiến	000.15.43.H31
16	UBND xã Liên Khê	000.16.43.H31
17	UBND xã Nhuế Dương	000.17.43.H31
18	UBND xã Ông Đình	000.18.43.H31
19	UBND xã Phùng Hưng	000.19.43.H31
20	UBND xã Tân Châu	000.20.43.H31
21	UBND xã Tân Dân	000.21.43.H31

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
22	UBND xã Thành Công	000.22.43.H31
23	UBND xã Thuần Hưng	000.23.43.H31
24	UBND xã Tứ Dân	000.24.43.H31
25	UBND xã Việt Hòa	000.25.43.H31
26	Phòng Văn hóa và Thông tin	000.30.43.H31
27	Đài truyền thanh huyện	000.31.43.H31
28	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	000.32.43.H31
29	Phòng Giáo dục và Đào tạo	000.33.43.H31
30	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	000.34.43.H31
31	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	000.35.43.H31
32	Phòng Tài chính - Kế hoạch	000.36.43.H31
33	Phòng Tư pháp	000.37.43.H31
34	Phòng Y tế	000.38.43.H31
35	Phòng Tài nguyên và Môi trường	000.39.43.H31
36	Thanh tra huyện	000.40.43.H31
37	Phòng Nội vụ	000.41.43.H31
38	Văn phòng HĐND và UBND huyện	000.42.43.H31
39	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên huyện Khoái Châu	000.43.43.H31
40	Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Du lịch huyện Khoái Châu	000.44.43.H31
- Các mã từ 000.26.43.H31 đến 000.29.43.H31 để dự phòng - Các mã từ 000.45.43.H31 đến 000.99.43.H31 để dự phòng		
V	**UBND huyện Kim Động**	
1	UBND thị trấn Lương Bằng	000.01.42.H31
2	UBND xã Chính Nghĩa	000.02.42.H31
3	UBND xã Đồng Thanh	000.03.42.H31
4	UBND xã Đức Hợp	000.04.42.H31
5	UBND xã Hiệp Cường	000.05.42.H31
6	UBND xã Hùng An	000.06.42.H31
7	UBND xã Mai Động	000.07.42.H31
8	UBND xã Nghĩa Dân	000.08.42.H31
9	UBND xã Ngọc Thanh	000.09.42.H31

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
10	UBND xã Nhân La	000.10.42.H31
11	UBND xã Phạm Ngũ Lão	000.11.42.H31
12	UBND xã Phú Thịnh	000.12.42.H31
13	UBND xã Song Mai	000.13.42.H31
14	UBND xã Thọ Vinh	000.14.42.H31
15	UBND xã Toàn Thắng	000.15.42.H31
16	UBND xã Vĩnh Xá	000.16.42.H31
17	UBND xã Vũ Xá	000.17.42.H31
18	Phòng Văn hóa và Thông tin	000.30.42.H31
19	Đài Truyền thanh huyện	000.31.42.H31
20	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	000.32.42.H31
21	Phòng Giáo dục và Đào tạo	000.33.42.H31
22	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	000.34.42.H31
23	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	000.35.42.H31
24	Phòng Tài chính - Kế hoạch	000.36.42.H31
25	Phòng Tư pháp	000.37.42.H31
26	Phòng Y tế	000.38.42.H31
27	Phòng Tài nguyên và Môi trường	000.39.42.H31
28	Thanh tra huyện	000.40.42.H31
29	Phòng Nội vụ	000.41.42.H31
30	Văn phòng HĐND và UBND huyện	000.42.42.H31
31	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên huyện Kim Động	000.43.42.H31
32	Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Du lịch huyện Kim Động	000.44.42.H31
- Các mã từ 000.18.42.H31 đến 000.29.42.H31 để dự phòng - Các mã từ 000.45.42.H31 đến 000.99.42.H31 để dự phòng		
VI	**UBND huyện Mỹ Hào**	
1	UBND TT Bần Yên Nhân	000.01.47.H31
2	UBND xã Bạch Sam	000.02.47.H31
3	UBND xã Cẩm Xá	000.03.47.H31
4	UBND xã Dị Sử	000.04.47.H31
5	UBND xã Dương Quang	000.05.47.H31

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
6	UBND xã Hòa Phong	000.06.47.H31
7	UBND xã Hưng Long	000.07.47.H31
8	UBND xã Minh Đức	000.08.47.H31
9	UBND xã Ngọc Lâm	000.09.47.H31
10	UBND xã Nhân Hòa	000.10.47.H31
11	UBND xã Phan Đình Phùng	000.11.47.H31
12	UBND xã Phùng Chí Kiên	000.12.47.H31
13	UBND xã Xuân Dục	000.13.47.H31
14	Phòng Văn hóa và Thông tin	000.30.47.H31
15	Đài Truyền thanh huyện	000.31.47.H31
16	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	000.32.47.H31
17	Phòng Giáo dục và Đào tạo	000.33.47.H31
18	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	000.34.47.H31
19	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	000.35.47.H31
20	Phòng Tài chính - Kế hoạch	000.36.47.H31
21	Phòng Tư pháp	000.37.47.H31
22	Phòng Y tế	000.38.47.H31
23	Phòng Tài nguyên và Môi trường	000.39.47.H31
24	Thanh tra huyện	000.40.47.H31
25	Phòng Nội vụ	000.41.47.H31
26	Văn phòng HĐND và UBND huyện	000.42.47.H31
27	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên huyện Mỹ hào	000.43.47.H31
28	Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Du lịch huyện Mỹ Hào	000.44.47.H31
	- Các mã từ 000.14.47.H31 đến 000.29.47.H31 để dự phòng; - Các mã từ 000.45.47.H31 đến 000.99.47.H31 để dự phòng.	
VII	**UBND huyện Phù Cừ**	
1	UBND thị trấn Trần Cao	000.01.45.H31
2	UBND xã Đình Cao	000.02.45.H31
3	UBND xã Đoàn Đào	000.03.45.H31
4	UBND xã Minh Hoàng	000.04.45.H31
5	UBND xã Minh Tân	000.05.45.H31
6	UBND xã Minh Tiến	000.06.45.H31

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
7	UBND xã Nguyên Hòa	000.07.45.H31
8	UBND xã Nhật Quang	000.08.45.H31
9	UBND xã Phan Sào Nam	000.09.45.H31
10	UBND xã Quang Hưng	000.10.45.H31
11	UBND xã Tam Đa	000.11.45.H31
12	UBND xã Tiên Tiến	000.12.45.H31
13	UBND xã Tống Phan	000.13.45.H31
14	UBND xã Tống Trân	000.14.45.H31
15	Phòng Văn hóa thông tin	000.30.45.H31
16	Đài Truyền thanh huyện	000.31.45.H31
17	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	000.32.45.H31
18	Phòng Giáo dục và Đào tạo	000.33.45.H31
19	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	000.34.45.H31
20	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	000.35.45.H31
21	Phòng Tài chính - Kế hoạch	000.36.45.H31
22	Phòng Tư pháp	000.37.45.H31
23	Phòng Y tế	000.38.45.H31
24	Phòng Tài nguyên và Môi trường	000.39.45.H31
25	Thanh tra huyện	000.40.45.H31
26	Phòng Nội vụ	000.41.45.H31
27	Văn phòng HĐND và UBND huyện	000.42.45.H31
28	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên huyện Phù cừ	000.43.45.H31
29	Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Du lịch huyện Phù Cừ	000.44.45.H31
	- Các mã từ 000.15.45.H31 đến 000.29.45.H31 để dự phòng; - Các mã từ 000.45.45.H31 đến 000.99.45.H31 để dự phòng.	
VIII	**UBND huyện Văn Giang**	
1	UBND thị trấn Văn Giang	000.01.49.H31
2	UBND xã Cửu Cao	000.02.49.H31
3	UBND xã Liên Nghĩa	000.03.49.H31
4	UBND xã Long Hưng	000.04.49.H31
5	UBND xã Mễ Sở	000.05.49.H31
6	UBND xã Nghĩa Trụ	000.06.49.H31

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
7	UBND xã Phụng Công	000.07.49.H31
8	UBND xã Tân Tiến	000.08.49.H31
9	UBND xã Thắng Lợi	000.09.49.H31
10	UBND xã Vĩnh Khúc	000.10.49.H31
11	UBND xã Xuân Quan	000.11.49.H31
12	Phòng Văn hóa và Thông tin	000.30.49.H31
13	Đài Truyền thanh huyện	000.31.49.H31
14	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	000.32.49.H31
15	Phòng Giáo dục và Đào tạo	000.33.49.H31
16	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	000.34.49.H31
17	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	000.35.49.H31
18	Phòng Tài chính - Kế hoạch	000.36.49.H31
19	Phòng Tư pháp	000.37.49.H31
20	Phòng Y tế	000.38.49.H31
21	Phòng Tài nguyên và Môi trường	000.39.49.H31
22	Thanh tra huyện	000.40.49.H31
23	Phòng Nội vụ	000.41.49.H31
24	Văn phòng HĐND và UBND huyện	000.42.49.H31
25	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên huyện Văn Giang	000.43.49.H31
26	Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Du lịch huyện Văn Giang	000.44.49.H31
- Các mã từ 000.12.49.H31 đến 000.29.49.H31 để dự phòng; - Các mã từ 000.45.49.H31 đến 000.99.49.H31 để dự phòng.		
IX	**UBND huyện Yên Mỹ**	
1	UBND thị trấn Yên Mỹ	000.01.46.H31
2	UBND xã Đồng Than	000.02.46.H31
3	UBND xã Giai Phạm	000.03.46.H31
4	UBND xã Hoàn Long	000.04.46.H31
5	UBND xã Liêu Xá	000.05.46.H31
6	UBND xã Lý Thường Kiệt	000.06.46.H31
7	UBND xã Minh Châu	000.07.46.H31
8	UBND xã Nghĩa Hiệp	000.08.46.H31

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
9	UBND xã Ngọc Long	000.09.46.H31
10	UBND xã Tân Lập	000.10.46.H31
11	UBND xã Tân Việt	000.11.46.H31
12	UBND xã Thanh Long	000.12.46.H31
13	UBND xã Trung Hòa	000.13.46.H31
14	UBND xã Trung Hưng	000.14.46.H31
15	UBND xã Việt Cường	000.15.46.H31
16	UBND xã Yên Hòa	000.16.46.H31
17	UBND xã Yên Phú	000.17.46.H31
18	Phòng Văn hóa và Thông tin	000.30.46.H31
19	Đài Truyền thanh huyện	000.31.46.H31
20	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	000.32.46.H31
21	Phòng Giáo dục và Đào tạo	000.33.46.H31
22	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	000.34.46.H31
23	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	000.35.46.H31
24	Phòng Tài chính - Kế hoạch	000.36.46.H31
25	Phòng Tư pháp	000.37.46.H31
26	Phòng Y tế	000.38.46.H31
27	Phòng Tài nguyên và Môi trường	000.39.46.H31
28	Thanh tra huyện	000.40.46.H31
29	Phòng Nội vụ	000.41.46.H31
30	Văn phòng HĐND và UBND huyện	000.42.46.H31
31	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên huyện Yên Mỹ	000.43.46.H31
32	Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Du lịch huyện Yên Mỹ	000.44.46.H31
- Các mã từ 000.18.46.H31 đến 000.29.46.H31 để dự phòng; - Các mã từ 000.45.46.H31 đến 000.99.46.H31 để dự phòng.		
X	**UBND thành phố Hưng Yên**	
1	UBND phường An Tảo	000.01.40.H31
2	UBND phường Hiến Nam	000.02.40.H31
3	UBND phường Hồng Châu	000.03.40.H31
4	UBND phường Lam Sơn	000.04.40.H31
5	UBND phường Lê Lợi	000.05.40.H31

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
6	UBND phường Minh Khai	000.06.40.H31
7	UBND phường Quang Trung	000.07.40.H31
8	UBND xã Bảo Khê	000.08.40.H31
9	UBND xã Hoàng Hanh	000.09.40.H31
10	UBND xã Hồng Nam	000.10.40.H31
11	UBND xã Hùng Cường	000.11.40.H31
12	UBND xã Liên Phương	000.12.40.H31
13	UBND xã Phú Cường	000.13.40.H31
14	UBND xã Phương Chiểu	000.14.40.H31
15	UBND xã Quảng Châu	000.15.40.H31
16	UBND xã Tân Hưng	000.16.40.H31
17	UBND xã Trung Nghĩa	000.17.40.H31
18	Phòng Văn hóa và thông tin	000.30.40.H31
19	Đài Truyền thanh Thành phố	000.31.40.H31
20	Phòng Kinh tế	000.32.40.H31
21	Phòng Giáo dục và Đào tạo	000.33.40.H31
22	Phòng Quản lý đô thị	000.34.40.H31
23	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	000.35.40.H31
24	Phòng Tài chính - Kế hoạch	000.36.40.H31
25	Phòng Tư pháp	000.37.40.H31
26	Phòng Y tế	000.37.40.H31
27	Phòng Tài nguyên và Môi trường	000.39.40.H31
28	Thanh tra Thành phố	000.40.40.H31
29	Phòng Nội vụ	000.41.40.H31
30	Văn phòng HĐND và UBND Thành phố	000.42.40.H31
31	Trung tâm GDTX Thành phố Hưng Yên	000.43.40.H31
32	Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Du lịch Thành phố Hưng Yên	000.44.40.H31
33	Ban quản lý Khu di tích quốc gia đặc biệt Phố Hiến	000.45.40.H31
- Các mã từ 000.18.40.H31 đến 000.29.40.H31 để dự phòng; - Các mã từ 000.46.40.H31 đến 000.99.40.H31 để dự phòng.		